

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ- IN
TRẦN NGỌC HY CÀ MAU

(BAN HÀNH LẦN 3)

Cà Mau, ngày 20 tháng 04 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 20 tháng 04 năm 2024

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN
TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
(Ban hành lần 3, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
lần thứ 20 ngày 20 /04/2024)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 9, khóa XIV ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-CTUB, ngày 01/10/2004 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cổ phần hóa Xí nghiệp In Trần Ngọc Hy;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 20 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau.

Công ty Cổ phần dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 3). Bản điều lệ này (cùng các phụ lục của điều lệ, các văn bản sửa đổi Điều lệ nếu có là một phần không tách rời của Điều lệ); các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật là các quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Pháp luật*” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2020.

2. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

3. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

4. “Ngày thành lập” là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.

5. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và được đề cập tại Điều 5 của Điều Lệ này.

6. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

7. “Cổ phần phổ thông” là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.

8. “Cổ đông phổ thông” là người sở hữu cổ phần phổ thông.

9. “Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại” là các loại cổ phần được định nghĩa theo như quy định tương ứng tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

10. “Cổ đông có quyền dự họp đại Hội đồng cổ đông”: gọi tắt là “Cổ đông có quyền dự họp” là cổ đông có sở hữu hay đại diện cho một tổ chức hoặc nhiều cổ đông có sở hữu ít nhất bằng 0,5% số cổ phần phổ thông của Công ty.

11. “Nhóm cổ đông” là có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử thành viên vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử thực hiện theo điểm a, b Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

12. “Ban quản lý điều hành” là bao gồm Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó giám đốc.

13. “Nhân viên quản lý” là các thành viên quản lý theo chức năng ở Công ty bao gồm: Kế toán trưởng, trưởng các phòng chức năng, phân xưởng trưởng, trưởng chi nhánh, cửa hàng trưởng và các chức danh tương đương khác.

14. “Công nhân” là người trực tiếp sản xuất hay thực hiện các dịch vụ kinh doanh dưới sự điều hành trực tiếp của nhân viên quản lý (hoặc tổ trưởng).

15. “Nhân viên thừa hành” là những nhân viên lao động gián tiếp, làm việc dưới sự điều hành trực tiếp của nhân viên quản lý (hoặc tổ trưởng).

16. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ.

Điều 2. Tên, hình thức hoạt động, địa chỉ của Công ty:

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là: **Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau.**

- Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh là: TRAN NGOC HY CAMAU PRINTING SERVICE JOINT- STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt : Công ty In Cà Mau (CAMAU PRINCO).

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

2. Công ty được thành lập theo phương thức chuyển từ một doanh nghiệp Nhà nước thành một công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Theo đó, Công ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày thành lập, và các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Đăng ký lần đầu ngày 21/10/2005 và thay đổi lần thứ 3 ngày 11/5/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

- Mã số thuế: 2000104556.

3. Trụ sở của Công ty:

a) Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ: Trụ sở công ty được đặt tại số 98, đường Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Số điện thoại: (0290) 3831628 ; fax : (0290) 3833433.

b) Công ty có cơ sở sản xuất tại số 98, đường Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

c) Công ty có thể thành lập các Chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước Việt Nam để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty

Thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm, bắt đầu từ Ngày thành lập. Thời hạn hoạt động này có thể được rút ngắn hoặc gia hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu: Công ty thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, nhằm huy động vốn từ các thành phần kinh tế và cá nhân để phát triển doanh nghiệp; sử dụng vốn, tài sản có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước bằng các khoản thuế.

Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát

triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước

2. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhưng phải có ý kiến thống nhất của các cổ đông sở hữu trên 50% cổ phần phổ thông. Nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của các chức danh này theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc công ty.

5. Phó Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; nhân viên quản lý do Giám đốc đề nghị, Hội đồng quản trị bổ nhiệm; các chức danh khác như: tổ trưởng, thủ quỹ, kế toán viên... do Giám đốc quyết định. Nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của các chức danh này do Giám đốc xây dựng thành quy chế với sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

6. Cấp nào bầu hoặc bổ nhiệm chức danh được nêu ở khoản 3 và 4 trong điều này thì cấp đó mới có quyền bãi nhiệm các chức danh đó, trừ các trường hợp đã được quy định cụ thể trong Điều lệ này.

7. Hội đồng quản trị, cấp Phòng hoặc tương đương và cấp Tổ không bố trí nhân sự cấp phó, khi cần người xử lý công việc thay sẽ thực hiện theo cơ chế ủy quyền.

Điều 6. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị- xã hội khác

Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư (kể cả liên doanh, liên kết, mua cổ phần, mua tài sản của các doanh nghiệp khác) và quy mô kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị thành viên phù hợp mục tiêu nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

4. Chủ động đổi mới công nghệ và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

6. Quyết định giá mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.

7. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả kinh doanh, và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật.

9. Được đặt Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và quy định của Nhà nước.

11. Sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.

12. Phát hành, chuyển nhượng, bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

13. Có quyền định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty.

14. Được thế chấp, cầm cố giá trị quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

15. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

16. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và những ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước.

17. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.

3. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác kinh doanh.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và phòng cháy nổ”.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, chế độ thống kê, chế độ kiểm toán, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.

8. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đối với các khách hàng và các chủ nợ trong phạm vi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình.

11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ quy đổi, được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam.

2. Vào ngày ban hành Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 5.200.000.000 đồng (bằng chữ : Năm tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

3. Vốn điều lệ của công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã quy định. Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ của mình do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định không trái với pháp luật.

Điều 10. Cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ trên của Công ty được chia thành 520.000 cổ phần bằng nhau. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam).

2. Tất cả các cổ phần của Công ty tại thời điểm ban hành điều lệ này là Cổ phần phổ thông.

3. Công ty có quyền xác lập và phát hành các loại cổ phần ưu đãi (*khác*) phù hợp với quy định của pháp luật. Việc phát hành cổ phần ưu đãi do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ. Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty, ghi rõ số lượng cổ phần và loại cổ phần, họ tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp.

3. Tất cả các cổ phiếu phát hành phải ghi tên. Khi Công ty phát hành cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán, hoặc khi cổ đông đã ký hợp đồng bán cổ phần thông qua Công ty chứng khoán thì sẽ được phát hành hoặc chuyển đổi từ cổ phần ghi tên thành loại cổ phần không ghi tên.

4. Khi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sử dụng quyền sở hữu các cổ phiếu phổ thông không ghi tên của mình để giới thiệu người đại diện và được tín nhiệm vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì các cổ phiếu này phải được chuyển thành cổ phiếu ghi tên.

5. Bất kỳ cổ đông nào cũng sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (trong trường hợp công ty áp dụng hình thức cổ phiếu là bút toán ghi sổ) trong vòng 30 ngày kể từ khi mua hoặc khi nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

6. Nếu cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, hoặc bị tiêu hủy, Cổ đông có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và phải nộp phí theo quy định của Hội đồng quản trị .

7. Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.

8. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp, trừ khi Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 13. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 14. Phát hành cổ phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Bất kỳ cổ phần mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện thời theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ vào thời điểm đó. Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) để cổ đông đặt mua. Số cổ phần nào không được các cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 15. Thu hồi cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó. Vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ Đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi phải thanh toán cho Công Ty cộng với mức lãi suất (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu hồi) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của Pháp Luật hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông.

Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty. và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định và thủ tục do Hội đồng quản trị yêu cầu.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức.

8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần

9. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và pháp luật quy định.

Điều 18. Đại diện và ủy quyền.

1. Cổ đông là pháp nhân/tổ chức phải cử người làm đại diện, do người có thẩm quyền của pháp nhân/tổ chức đó quyết định.

2. Cổ đông là tổ chức, cá nhân hoặc nhóm cổ đông có thể cử người làm đại diện để tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

3. Người đại diện theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để tham gia vào các vấn đề của công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Văn bản cử người làm đại diện ở khoản 1 và 2 trên phải là văn bản không xác định thời hạn, chỉ hết hiệu lực khi có văn bản mới thay thế hay theo quy định của pháp luật. Khi văn bản cử người làm đại diện theo khoản 1 và 2 còn hiệu lực, thì mọi vấn đề liên quan đến cổ đông, Công ty chỉ liên hệ với người đại diện, người đại diện có đủ các quyền và nghĩa vụ như người sở hữu cổ phần, ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc định đoạt quyền sở hữu của các cổ phần mà mình đại diện.

5. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo các quy định sau và những quy định khác của Hội đồng quản trị :

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó hoặc ký thay mặt bởi luật sư của họ.

b) Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc ký thay mặt bởi luật sư hay người đại diện được ủy quyền hợp lệ của pháp nhân/ tổ chức đó.

c) Trường hợp thư chỉ định đại diện được ủy quyền của cổ đông được ký thay mặt thì phải được kèm theo văn bản xác định tư cách hợp pháp của người được ký thay mặt hoặc một bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản này.

Chương V

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong

danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp). Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 24. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 25. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành đúng giờ quy định khi số cổ đông, đại diện và người được ủy quyền có mặt đại diện cho ít nhất 51% cổ phần phổ thông. Sau giờ dự định khai mạc, Đại hội đồng cổ đông có thể khai mạc bất cứ lúc nào khi đạt yêu cầu quy định trên. Sau 60 phút, tính từ thời điểm dự định khai mạc theo thông báo hoặc thư mời, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành và sẽ không phụ thuộc vào số lượng cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp, nhưng vẫn có quyền quyết định một cách hợp lệ tất cả các vấn đề như Đại hội đồng cổ đông có mặt đầy đủ theo quy định.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số

cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký (hoặc Ban thư ký) và Ban giám sát bầu cử theo đề cử của chủ tọa.

5. Cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp đó để đợi họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

6. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hình thức, điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 7 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

4. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp chấp thuận.

8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, việc tổ chức lại, giải thể công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty, đầu tư vào các dự án với tổng số vốn mà công ty tham gia đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi sổ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp chấp thuận.

9. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận (tỷ lệ tùy thuộc vào nội dung vấn đề cần thông qua nghị quyết tương ứng theo khoản 2 và 3 nêu trên), và theo các thủ tục quy định tại khoản 5 của Điều này.

10. Người có trách nhiệm triệu tập cuộc họp có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Quyết định các vấn đề để xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ này và pháp luật.

b) Gửi các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến, trong đó quy định thời hạn phải gửi ý kiến lại cho công ty, cùng với tất cả các văn bản cần thiết khác để các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền có thể ra quyết định của mình.

c) Quyết định kết quả lấy ý kiến và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi lại ý kiến.

11. Nghị quyết được ban hành theo quyết định bằng văn bản theo khoản 4 của Điều này có giá trị ngang với nghị quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc cổ đông bất đồng ý kiến hay không tham gia ý kiến.

13. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

14. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông cho các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và lưu tại văn thư Công ty ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này là những bằng chứng cuối cùng về công việc được tiến hành tại phiên họp Đại hội đồng. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và phải được lập phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại văn thư trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt,

có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Chương VI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm có 5 người, số lượng Hội đồng thành viên có thể thay đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải luôn có ít nhất 1/3 số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp Hội đồng quản trị khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải họp bầu ra chủ tịch Hội đồng quản trị mới trong vòng 30 ngày. Trường hợp Hội đồng quản trị khuyết hơn 1/3 thành viên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền hay đại diện thành viên Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung các thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết trong vòng 30 ngày.

Điều 31. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sở hữu hoặc đại diện cho tổ chức, cá nhân hay nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông.

b) Có lý lịch trích ngang thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản như sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tình trạng sức khỏe; tóm tắt cơ bản về quá trình làm việc đã qua và kèm theo các bằng sao bằng cấp, chứng chỉ (nếu có).

c) Không phải là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

d) Không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 2 tổ chức kinh tế khác.

e) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và được đào tạo ở một trong các ngành như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kỹ thuật ngành in hoặc các ngành tương tự khác; hoặc có kinh nghiệm ít nhất 5 năm về thực tiễn quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự hay quản trị về kỹ thuật đặc thù ngành in.

f) Có sức khỏe, đảm bảo được công việc theo chức năng; hiểu biết cơ bản về pháp luật; có nhân cách, phẩm chất đạo đức và được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm theo quy định của Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không còn là tư cách thành viên trong các trường hợp sau :

- a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của điều này.
- b) Không còn tư cách pháp nhân làm đại diện để được bầu vào thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Vắng mặt liên tục 2 lần trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- d) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.
- e) Bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao; các khoản khoán chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Hội đồng quản trị, điện thoại quan hệ công việc Hội đồng... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi được phân công hoặc khi thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm của Hội đồng, tùy theo tính chất và nội dung công việc, thành viên Hội đồng quản trị được Công ty thanh toán một phần hay toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí khác có liên quan nhưng phải dựa theo định mức trong qui chế về quản lý tài chính của Công ty (nếu có).

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể lập văn bản ủy quyền cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác nhưng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt để thay mình họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về hoạt động của người mình ủy quyền và có quyền lập văn bản bãi miễn bất cứ lúc nào. Người được ủy quyền đương nhiên không còn tư cách này nếu như người ủy quyền không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy chế Quản trị Công ty. (Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc).

2. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- d) Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- đ) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

2. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có ủy quyền vì bất cứ lý do nào, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể đề cử 01 người trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian Chủ tịch vắng mặt nhưng không có ủy quyền.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Giám đốc công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, các khoản khoán chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Hội đồng quản trị, điện thoại quan hệ công việc Hội đồng... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm giám đốc, được Công ty bố trí nơi làm việc, phương tiện quản lý hồ sơ; người giúp việc tạm thời để hỗ trợ các công việc trước, trong và sau các cuộc họp; những công cụ cần thiết khác để thực thi tốt nhiệm vụ theo chức năng.

Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau:

a) Quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật;

b) Giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các nhân viên quản lý của Công ty;

c) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

d) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;

f) Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban giám đốc và nhân viên quản lý; quyết định qui chế tuyển dụng, buộc thôi việc đối với công nhân và nhân viên thừa hành của Công ty phù hợp với Điều lệ này và qui định của pháp luật.

g) Quyết định tiền lương, mức khen thưởng và xử phạt đối với các thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì mức thưởng của Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h) Phê chuẩn quyết định chỉ định và bãi nhiệm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

i) Phê chuẩn các quyết định về vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường do Công ty thực hiện.

j) Quyết định các giao dịch mua, bán hoặc đầu tư, huy động vốn có giá trị trong khoảng từ 20% đến 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Điều lệ này;

k) Quyết định việc mua lại đến 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

l) Xem xét quyết định cho phép chuyển nhượng cổ phần đối với những trường hợp không chế quyền chuyển nhượng, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

m) Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty;

n) Quyết định mức giá mua lại, hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

o) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hay giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn của mình;

p) Chấp thuận báo cáo về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

q) Lập báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;

r) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:

- Kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Các loại cổ phần của Công ty và tổng số cổ phần phát hành của từng loại;
- Tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần hoặc xử lý cổ phần ngân quỹ;
- Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- Phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu;
- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Cơ cấu lại hoặc giải thể, sáp nhập, hợp nhất công ty, hoặc tham gia liên doanh;
- Quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;
- Mức cổ tức được trả hàng năm đối với mỗi loại cổ phần.

3. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và các điều khoản khác của Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các nhân viên quản lý đại diện và thay mặt công ty, trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu

Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ. Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

Sau đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ 3 tháng một lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai kỳ họp không được quá 5 tháng.

2. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi bất kỳ người nào sau đây yêu cầu bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Giám đốc;
- c) 50% số thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trưởng ban kiểm soát;
- đ) 50% số thành viên Ban kiểm soát.

3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp trong vòng 2 tuần sau khi nhận được yêu cầu, những người yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo khoản 2 của Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo chương trình họp: Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết. Thông báo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 7 ngày trước ngày dự định họp.

5. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.

6. Biểu quyết :

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền sẽ có 01 phiếu biểu quyết, trừ trường hợp không có quyền biểu quyết theo Khoản 5 Điều 33 của Điều lệ này.

b) Trong trường hợp các vấn đề đưa ra biểu quyết có liên quan tới lợi ích vật chất trực tiếp hay gián tiếp của một thành viên Hội đồng thì thành viên này phải công bố sự liên quan này, bản chất và nội dung của lợi ích này và sẽ không được tham gia biểu quyết nội dung đó.

c) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp đồng ý (bao gồm cả người được ủy quyền và thành viên vắng mặt có biểu quyết bằng văn bản). Trường hợp số phiếu bằng nhau, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.

7. Bỏ phiếu của thành viên vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Hội đồng quản trị ít nhất 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự định khai mạc cuộc họp.

8. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản có thể được ký bởi toàn thể thành viên Hội đồng :

a) Có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng.

b) Thỏa mãn được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp hội đồng.

c) Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng một số bản sao của một văn bản, nếu mỗi bản sao được ký bởi một hoặc nhiều thành viên. Các bản sao này có thể là bản fax.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, được lưu tại văn thư Công ty, là bằng chứng về các công việc đã tiến hành tại cuộc họp.

10. Những người được mời dự bổ sung: Giám đốc, các Nhân viên quản lý khác, kiểm soát viên độc lập và các chuyên viên khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi họ tự mình có quyền được biểu quyết với tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín. Ít nhất một thành viên Ban kiểm soát phải am hiểu nghiệp vụ tài chính kế toán. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

d) Không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

c) Có sở hữu hoặc do tổ chức, cá nhân hay nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông giới thiệu.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định khoản 3 của Điều này.

b) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

c) Bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d) Không tham gia các hoạt động kiểm soát theo chức năng liên tục trong 6 tháng hoặc không tham gia 2 lần liên tiếp các cuộc họp của Ban kiểm soát mà không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát.

5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm, trùng với nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban kiểm soát khuyết trên 2/3 số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày để bầu bổ sung.

Điều 36. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản trị, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.

2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 11, Điều 16 của Điều lệ này.

3. Thông báo định kỳ với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định kiểm toán độc lập, xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan trong phạm vi kiểm soát nội bộ và kiểm toán.

5. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng kỳ của công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

6. Lập báo cáo về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của

công ty và trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những báo cáo kết luận của mình.

7. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ cung cấp báo cáo, số liệu và những thông tin cần thiết cho công việc của mình.

8. Yêu cầu triệu tập và triệu tập Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20 và Điều 28 của Điều lệ này.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

10. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp hoặc tư vấn pháp lý đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia độc lập bên ngoài công ty có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp vào các vấn đề của công ty nếu thấy cần thiết.

11. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao; các khoản khoán chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Ban kiểm soát, điện thoại quan hệ công việc liên quan chức năng kiểm soát... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12. Khi được phân công hoặc khi thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm của Ban kiểm soát, tùy theo tính chất và nội dung công việc, thành viên Ban kiểm soát được Công ty thanh toán một phần hay toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí khác có liên quan nhưng phải dựa theo định mức trong qui chế về quản lý tài chính của Công ty (nếu có).

13. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Chương VIII.

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Trường hợp Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định (Trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc).

2. Giám đốc phải có đủ những tiêu chuẩn sau :

a) Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 9 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có lí lịch trích ngang thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản như sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tình trạng sức khỏe; tóm tắt cơ bản về quá trình làm việc đã qua và kèm theo các bằng sao bằng cấp, chứng chỉ (nếu có).

c) Có trình độ cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh hay các ngành quản lý tương đương khác và có năng lực thực tiễn về quản lý kinh tế hay quản trị doanh nghiệp; hoặc đồng thời có trình độ cơ bản về các mặt: quản lý kinh tế, quản

lý nhân sự, kỹ thuật ngành in và có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý kinh doanh ít nhất 5 năm trong ngành in.

d) Có sức khỏe, đảm bảo được công việc theo chức năng; có trình độ cơ bản về pháp luật; có nhân cách, phẩm chất đạo đức và được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm theo qui định của Điều lệ này.

3. Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này.

b) Không thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Công ty.

c) Tự ý bỏ nhiệm vụ theo chức năng 5 ngày cộng dồn trong 1 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 1 năm mà không có lý do chính đáng. Dù có lý do chính đáng nhưng lại vắng mặt thường xuyên, không điều hành được hoạt động của Công ty một cách có hiệu quả thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét quyết định bãi nhiệm.

d) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm chính thức Giám đốc mới.

Điều 38. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổ chức thực hiện các phương án kinh doanh và đầu tư của công ty.

5. Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty và số lượng các nhân viên quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của công ty.

6. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch hàng năm.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình.

9. Từ chối thực hiện những quyết định của thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy những quyết định này trái pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các nhân viên quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình.
12. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý khác thực hiện quyền hạn của mình.
13. Tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật.
14. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.
15. Căn cứ vào định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thống nhất, Giám đốc được quyền ký kết hợp đồng, quyết định quan hệ giao dịch mua, bán và đầu tư có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản theo sổ sách của Công ty ngoại trừ trường hợp đã được qui định tại Khoản 6, Điều 39 của Điều lệ này.
16. Được quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn v.v... nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm về các quyết định này.
17. Được hưởng tiền lương, thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động.
18. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và nhân viên quản lý khác thực hiện mọi quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, tận tâm và có tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc và nhân viên quản lý Công ty không được sử dụng chức vụ, quyền hạn hay các thông tin có được nhờ chức vụ, quyền hạn đó để chiếm đoạt những cơ hội kinh doanh mà lẽ ra nó có thể mang lại lợi ích cho Công ty hoặc sử dụng tài sản của Công ty nhằm mục đích thu lợi riêng cho bản thân, cho những người liên quan hay để phục vụ lợi ích cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc và các nhân viên quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ lợi ích tiềm tàng có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty mà họ có thể có ở các pháp nhân kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy xét vấn đề này.
4. Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý những người liên quan

đến họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Các hợp đồng hoặc giao dịch của công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc những người có liên quan của họ hoặc bất kỳ công ty, hiệp hội, tổ chức nào khác mà những người trên là thành viên hoặc có lợi ích tài chính liên quan, chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng có nghĩa vụ tuyên bố lợi ích liên quan và không có quyền biểu quyết về vấn đề này.

b) Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý hoặc những người có liên quan của họ không được phép mua bán hoặc giao dịch các cổ phiếu của công ty hoặc của công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết được những thông tin này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và nhân viên quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ trung thực hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của mình do thiếu trách nhiệm sẽ phải chịu bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Chương X

CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 40. Công nhân viên

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp khác.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật.

Chương XI

HẠCH TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 42. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hồ sơ này phải chính xác, liên tục, có hệ thống và phải đủ độ tin cậy để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Cuối niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua báo cáo kế toán sau đây :

- a) Bảng cân đối tài sản
- b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- c) Báo cáo luân chuyển tiền tệ
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo kế toán của Công ty có thể được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập theo chỉ định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố cho các Cổ đông và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các qui định của Pháp luật .

Điều 43. Quỹ dự trữ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) một khoản vào quỹ dự trữ theo quy định của Pháp luật. Khoản này không vượt quá 5% lãi sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty .

Điều 44. Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Hàng năm công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi khen thưởng và hỗ trợ cho công nhân viên chức lao động và thực hiện công việc phúc lợi Công ty, mức trích cụ thể như sau:

- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt từ trên 0% đến 15%/năm, mức được trích bằng 5% so với lợi nhuận sau thuế.

- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 15% đến 20%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10%(Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu).

- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 20% đến 25%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% (Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 20% vốn chủ sở hữu).

- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 25%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% (Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 25% vốn chủ sở hữu).

Trong đó vốn chủ sở hữu đã loại trừ khoản lợi nhuận chưa phân phối và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Đồng thời vốn chủ sở hữu được xác định theo nguyên tắc bình quân gia quyền theo thời gian sử dụng vốn trong năm.

Điều 45. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lãi sau thuế của Công ty.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với Pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức trước khi hết năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lãi sau thuế của Công ty.

3. Cổ tức phổ thông sẽ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền cổ phần đã thanh toán trong giai đoạn cổ tức được chi trả.

4. Việc chi trả cổ tức bằng các hình thức khác thay cho việc thanh toán bằng tiền mà không trái với Pháp luật do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Chương XII

CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền trước khi sử dụng.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế Quản trị Công ty.

Chương XIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của công ty mà không tiếp tục gia hạn;
- b) Bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý

gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay có bảo đảm (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của công ty.

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có).

Chương XIV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông và công ty hoặc công ty cổ phần với các tổ chức cá nhân khác.
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không

được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

3. Các bên tranh chấp sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 50. Chi tiết về cổ đông sáng lập

Tại khoản 1 Điều 20 của Luật Doanh nghiệp quy định: “Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập; trường hợp này, Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó”. Do đó, Điều lệ này không quy định cổ đông sáng lập, quy định Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Điều 51. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này được sửa đổi gồm 15 chương, 51 điều, trình bày trong 37 trang, được thông qua một cách hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2024.

2. Khi pháp luật có thay đổi về các văn bản Luật liên quan, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

3. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

4. Điều lệ này được lập thành 08 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- 01 bản lưu tại trụ sở của công ty;
- 05 bản cho từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- 01 bản cho Trưởng ban kiểm soát.

Điều lệ được thông qua Đại hội đồng cổ đông thống nhất. Khi Điều lệ này có hiệu lực thì Điều lệ trước đây sẽ không còn hiệu lực./-

ĐD. Hội đồng quản trị Công ty

Chủ tịch



Lê Văn Khuôn

ĐD. Pháp nhân Công ty

Giám đốc

Lê Văn Khuôn

